TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 18-01-2023
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quang Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trịnh Văn Bé.

2. Ông Phan Tấn Tài.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Kiên, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: không tham gia.

Trong ngày 18 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 845/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp ly hôn, nuôi con; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 603/2022/QĐXX-ST ngày 05 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 566/2022/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Châu Thị Ngọc L, sinh năm 1995, cư trú: tổ 19, ấp BP, xã BP Xuân, huyện CM, tỉnh An Giang; địa chỉ liên lạc: số 789, tổ 28, ấp HB, xã HB2, huyện CM, tỉnh An Giang; (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Huỳnh Văn Th1, sinh năm 1982; cư trú: tổ 19, ấp BP, xã BP Xuân, huyện CM, tỉnh An Giang; (có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn bà Châu Thị Ngọc L trình bày: bà và ông Huỳnh Văn Th1 do quen biết và tìm hiểu nhau, tự nguyện đi đến hôn nhân vào năm 2014, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã

BP Xuân, huyện CM, tỉnh An Giang vào ngày 17/3/2014. Về quan hệ hôn nhân bà Châu Thị Ngọc L là nguyên đơn yêu cầu được ly hôn với ông Huỳnh Văn Th1. Vì thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống nên không còn sống chung từ giữa năm 2021 đến nay; nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể tồn tại được, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn với ông Th1.

- Về *quan hệ* con chung: Không có.

- Về *quan hệ* tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

- Về *quan hệ* nợ chung: Bà Thảo trình bày không có nợ chung.

Bị đơn là ông Huỳnh Văn Th1: đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và có đơn xin vắng mặt, nhưng không gửi văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Châu Thị Ngọc L khởi kiện vụ án tranh chấp về ly hôn với ông Huỳnh Văn Th1. Ông Th1 có nơi cư trú trên địa bàn huyện CM, tỉnh An Giang. Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện CM thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Ông Huỳnh Văn Th1 đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng có đơn xin vắng mặt; nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Th1 theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Về quan hệ hôn nhân*: Hôn nhân giữa bà Châu Thị Ngọc L và ông Huỳnh Văn Th1 là hợp pháp vì ông bà có đăng ký kết hôn. Trong cuộc sống chung vợ chồng ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn, theo nguyên đơn trình bày mâu thuẫn phát sinh từ việc vợ chồng là không tôn trọng nhau, tính tình không hợp, trong thời gian chung sống thường xảy ra bất hòa, cả hai đã cố gắng tìm cách hàn gắn vẫn không thể nào chung sống với nhau và đã không còn chung sống với nhau từ giữa năm 2021. Hội đồng xét xử thấy rằng: bà L xin ly hôn, do cuộc sống chung vợ chồng không được hạnh phúc, vợ chồng không còn sống chung đến nay là một khoảng thời gian dài, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà L.

[4] *Về quan hệ con chung*: Không có.

[5] *Về quan hệ tài sản chung*: Bà L khởi kiện, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét đến.

[6] *Về quan hệ nợ chung*: Ghi nhận bà L trình bày không có nợ chung. Nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của bà L và ông Th1 trong thời kỳ hôn nhân thì bà L và ông Th1 vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

[7] *Về án phí*: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] *Về quyền kháng cáo*: Đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào,

- Các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1) Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Châu Thị Ngọc L.

2) *Về quan hệ hôn nhân*: bà Châu Thị Ngọc L được ly hôn với ông Huỳnh Văn Th1.

Giấy chứng nhận kết hôn số 37/KH, quyển số 01/2014 ngày 17/3/2014 do Ủy ban nhân dân xã BP Xuân, huyện CM, tỉnh An Giang cấp cho bà Châu Thị Ngọc L và ông Huỳnh Văn Th1, không còn giá trị pháp lý.

3) *Về quan hệ con chung*: Không có.

4) *Về quan hệ tài sản chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết; nên không xét đến.

5) *Về quan hệ nợ chung*: Ghi nhận bà L trình bày không có nợ chung. Nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của bà L và ông Th1 trong thời kỳ hôn nhân thì bà L và ông Th1 vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

6) *Về án phí*: Bà Châu Thị Ngọc L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào tiền tạm nộp án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0012753 ngày 25/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Bà Châu Thị Ngọc L đã nộp đủ.

Ông Huỳnh Văn Th1 không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

7) *Về quyền kháng cáo*: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt thì thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND H. Chợ Mới;
- Chi cục THADS H. Chợ Mới;
- UBND xã BP Xuân, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Quang Thanh